

Số: 45/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 08 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Quàng Văn T - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Bản B, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị Quàng Thị M - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Quàng Văn T và chị Quàng Thị M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Quàng Văn T và chị Quàng Thị M thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quàng Anh N sinh ngày 10/8/2014 cho đến khi cháu thành niên và đủ khả năng lao động. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị M nuôi cháu N mỗi tháng 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3 năm 2022. Phương thức cấp dưỡng là vào ngày 20 hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một

bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

2.4 Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị M và anh T mỗi người phải chịu 75.000 đ án phí DSST. Anh T phải chịu 150.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ, và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số:0004884 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- Chi cục THA dân sự H. Đ;
- VKSND H.Đ;
- UBND xã Hua T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên

